

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỬA CHÙA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng 7 năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2021**  
(*Trình Kỳ họp thứ 2, HĐND huyện khóa XXI*)

### **Phần thứ nhất**

## **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM**

### **A. Kết quả đạt được**

#### **I. Trên lĩnh vực phát triển kinh tế**

#### **1. Sản xuất nông nghiệp**

##### **a) Cây lương thực**

- Lúa xuân: Gieo trồng 581/572 ha (đạt 101,57% kế hoạch); năng suất đạt 61,3 tạ/ha, sản lượng đạt 3.561,5 tấn (đạt 101,72% kế hoạch); so với cùng kỳ năm trước diện tích tăng 20 ha, năng suất tăng 1,2 tạ/ha, sản lượng tăng 189,9 tấn;

- Lúa mùa: Gieo cấy được 1.968/2.040 ha (đạt 96,5% kế hoạch). Dự kiến hoàn thành gieo cấy trước ngày 20/7/2021;

- Lúa nương: Gieo trồng 1.781/1.781 ha (đạt 100% kế hoạch), giảm 75 ha so với cùng kỳ năm trước; hiện cây lúa đang sinh trưởng phát triển tốt;

- Ngô xuân: Gieo trồng 133/133 ha (đạt 100% kế hoạch), năng suất đạt 18,2 tạ/ha, sản lượng đạt 242,06 tấn (đạt 103,94% kế hoạch); so với cùng kỳ năm trước diện tích tăng 1 ha, năng suất tăng 0,7 tạ/ha, sản lượng tăng 11,06 tấn;

- Ngô mùa: Gieo trồng 5.030/5.020 ha (đạt 100,2% kế hoạch), giảm 30 ha so với cùng kỳ năm trước; hiện cây ngô sinh trưởng phát triển tốt;

- Sắn: Diện tích trồng 345/345 ha (đạt 100% kế hoạch), tăng 75 ha so với cùng kỳ năm trước;

- Khoai: Diện tích trồng 81/65 ha (đạt 124,62% kế hoạch), tăng 16,8 ha so với cùng kỳ năm trước.

##### **b) Cây công nghiệp**

- Đậu tương xuân: Trồng 80/80 ha (đạt 100% kế hoạch), năng suất đạt 13,6 tạ/ha, sản lượng đạt 108,8 tấn (đạt 100,23% kế hoạch); so với cùng kỳ năm trước diện tích tăng 1 ha; sản lượng tăng 2,15 tấn;

- Lạc: Trồng 23/50 ha (đạt 46% kế hoạch), năng suất đạt 11,8 tạ/ha, sản lượng đạt 27,14 tấn; so với cùng kỳ năm trước diện tích giảm 1 ha; sản lượng giảm 0,2 tấn;

- Chè: Tiếp tục vận động nhân dân bảo vệ, chăm sóc 595,89 ha chè hiện có, đến thời điểm hiện tại sản lượng chè búp tươi đạt 40 tấn, tăng 1 tấn so với cùng kỳ năm trước, sản lượng chè thương phẩm chế biến đạt 6,7 tấn.

c) Chăn nuôi, thú y: Cấp phát 38.040 liều vắc xin<sup>1</sup>, 1.000 lít hóa chất thực hiện tiêm phòng, phun phòng định kỳ vụ xuân hè, đã thực hiện tiêm 80% số lượng vắc xin cấp. Trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn các xã Tủa Thàng, Mường Đun và Thị trấn Tủa Chùa tái phát bệnh dịch tả lợn Châu Phi làm chết 177 con lợn, tiêu hủy 8.273 kg; thực hiện hỗ trợ 14,1 triệu đồng cho chủ vật nuôi có lợn bị mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi năm 2020; 543 triệu đồng cho 146 hộ có trâu, bò bị chết do rét đậm, rét hại<sup>2</sup>; tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 337.707 con<sup>3</sup> (tăng 10.486 con so với cùng kỳ năm trước); kiểm soát giết mổ 122 con trâu, bò, 2.314 con lợn, thu phí nộp ngân sách Nhà nước 17,906 triệu đồng.

d) Thủy sản: Toàn huyện có 70 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, 59 lồng bè; sản lượng nuôi trồng đạt 51,4 tấn (đạt 61,19% kế hoạch), sản lượng khai thác, đánh bắt đạt 25,6 tấn (đạt 51,2% kế hoạch).

đ) Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Bảo vệ diện tích rừng hiện có; chăm sóc 990 ha rừng chuyên tiếp, triển khai thiết kế diện tích đăng ký khoanh nuôi tái sinh năm 2021, hiện tại khảo sát sơ bộ được 50/200 ha; cấp phát 7.185 cây giống lâm nghiệp cho các đơn vị, trường học và một số hộ dân thực hiện Tết trồng cây; phối hợp với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh kiểm tra, nghiệm thu diện tích hết thời gian đầu tư rừng trồng thay thế 2016<sup>4</sup>. Xây dựng kế hoạch khắc phục rừng trồng thay thế chưa đảm bảo, tổ chức trồng 18.000 cây thông. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng; qua kiểm tra phát hiện 16 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, thu giữ 4,654 m<sup>3</sup> gỗ các loại; 1 cửa xăng; thu nộp ngân sách Nhà nước 40,7 triệu đồng.

e) Thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất: Triển khai 3 dự án liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm với 206 hộ tham gia trên địa bàn các xã Mường Đun, Tủa Thàng, Mường Báng, Trung Thu và Thị trấn<sup>5</sup> theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh; trình diễn 3 mô hình áp dụng giống lúa mới ADI 168, Hana12 vụ xuân trên địa bàn xã Xá Nhè, Mường Đun, Thị trấn với quy mô 39 ha cho 351 hộ, năng suất đạt 101,66 tạ/ha, sản lượng đạt 396,5 tấn. Triển khai 3 ha mô hình trình diễn áp dụng giống mới ADI 28 vụ mùa với 51 ha trên địa bàn xã Mường Đun, Tả Phìn, Xá Nhè theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP; tiếp tục hỗ trợ tuyên truyền, xúc tiến thương mại 4 sản phẩm đã được công nhận xếp hạng 3 sao năm 2019-2020 theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP.

<sup>1</sup> 5.040 liều vắc xin nhiệt thán; 10.000 liều vắc xin tụ huyết trùng; 10.000 liều vắc xin lở mồm long móng; 11.000 liều vắc xin dịch tả lợn; 2.000 liều vắc xin dại.

<sup>2</sup> Toàn huyện có 150 con trâu, bò bị chết: Thị trấn 6 con, Mường Báng 10 con, Xá Nhè 21 con, Sính Phình 12 con, Mường Đun 32 con, Huổi Sô 03 con, Trung Thu 5 con, Tả Sìn Thàng 21 con, Tủa Thàng 15 con, Lao Xá Phình 1 con, Tả Phìn 15 con, Sín Chải 9 con.

<sup>3</sup> Đàn trâu 14.637 con, đạt 99,46% kế hoạch; đàn bò 3.301 con, đạt 102,64% kế hoạch; đàn lợn 45.039 con, đạt 91,61% kế hoạch; đàn gia cầm 255.205 con, đạt 89,35% kế hoạch; đàn dê 19.320 con đạt 89,51% kế hoạch; đàn ngựa 205 con đạt 112,02% kế hoạch. So cùng kỳ năm trước đàn trâu tăng 535 con, bò tăng 269 con, lợn tăng 8.715 con, đàn dê giảm 699 con, đàn gia cầm tăng 8.715 con, đàn ngựa tăng 40 con;

<sup>4</sup> 88,69/176,6 ha thành rừng (đạt 50%); 40,14 cơ bản thành rừng do cây nhỏ phải thực hiện trồng dặm nhiều lần ha (chiếm 23%); 47,88 diện tích không đảm bảo chất lượng ha (chiếm 27%).

<sup>5</sup> Vịt bầu quy mô 2.960 con, ngỗng lai 885 (34 ha), đào địa phương (2,5 ha).

## 2. Công nghiệp, xây dựng

**2.1. Công nghiệp:** Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (theo giá gốc so sánh năm 2010) đạt 46,76 tỷ đồng (đạt 35,97% kế hoạch).

### 2.2. Giao thông, xây dựng và quản lý quy hoạch

**a) Giao thông:** Toàn huyện hiện có 856 km đường bộ<sup>6</sup>, 60 km đường thủy, chi trả 333,9 triệu đồng kinh phí khoán duy tu các tuyến đường; mở rộng, cắt cưa, rãnh thoát nước trên tuyến đường tỉnh lộ 140 (đoạn Thị trấn đi Sính Phình...); chỉ đạo các xã tu sửa các tuyến đường giao thông liên xã, liên thôn, bản; xử lý 250 trường hợp vi phạm về trật tự an toàn giao thông, nộp ngân sách Nhà nước 202,22 triệu đồng.

**b) Quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng, thẩm định các dự án đầu tư:** Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết Thị trấn (sau khi mở rộng); quy hoạch nghĩa trang thị trấn; quy hoạch chi tiết trung tâm xã Mường Báng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng và tiến độ xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn huyện; cấp 5 giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ cho các hộ gia đình; tiếp nhận, thẩm định 11 bộ hồ sơ các công trình, dự án.

## 3. Thương mại, dịch vụ

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 282,216 tỷ đồng (đạt 25,66% kế hoạch); Đội Quản lý thị trường số 2 đã triển khai kiểm tra thị trường 43 trường hợp, xử lý 13 trường hợp vi phạm, xử phạt 13 triệu đồng;

- Vận chuyển hàng hóa và hành khách: Toàn huyện hiện có 24 chuyến xe vận chuyển hành khách/ngày; hành khách vận chuyển 2.855 người (đạt 52,87% kế hoạch); hành khách luân chuyển đạt 57.100 người.km (đạt 47,2% kế hoạch), hàng hóa vận chuyển đạt 46.627 nghìn tấn (đạt 50,9% kế hoạch); hàng hóa luân chuyển 932.540 tấn.km (đạt 42,78% kế hoạch). Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện các biện pháp cấp bách, phòng chống dịch bệnh Covid-19, UBND huyện đã phối hợp với Sở Giao thông vận tải tỉnh, Bến xe khách tỉnh tạm dừng hoạt động các tuyến vận chuyển hành khách liên tỉnh;

- Bưu chính - viễn thông: Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của 1 đơn vị bưu chính, 2 đơn vị viễn thông, 56 trạm phát sóng di động, 12/12 xã, thị trấn có sóng điện thoại di động và internet. Doanh thu bưu chính đạt 2,38 tỷ đồng; doanh thu viễn thông đạt 5,64 tỷ đồng;

- Điện lực: 12/12 xã, thị trấn, 106/120 thôn, bản, tổ dân phố có điện lưới quốc gia, 9.188 khách hàng sử dụng điện; tổng lượng điện thương phẩm đạt 5,58 triệu KWh.

**4. Thu chi ngân sách:** Tổng thu ngân sách địa phương đạt 275,874 tỷ đồng, trong đó ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 275,178 tỷ đồng (đạt 64% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao); so với cùng kỳ năm 2020

<sup>6</sup>220 km đường nhựa, 122 km đường bê tông, 158 km đường cấp phối, 356 km đường đất;

bằng 87%; Thu NSNN trên địa bàn đạt 5,636 tỷ đồng (đạt 43% dự toán tỉnh giao và đạt 41% dự toán HĐND huyện giao); so với cùng kỳ năm 2020 bằng 84%. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 219,82 tỷ đồng (đạt 51% dự toán HĐND huyện giao); so với cùng kỳ năm 2020 bằng 95%.

**5. Phát triển doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể:** Toàn huyện có 4 chi nhánh doanh nghiệp Nhà nước, 34 doanh nghiệp tư nhân, 10 hợp tác xã (3 hợp tác xã thành lập mới)<sup>7</sup>, 912 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động (18 hộ đăng ký mới).

## **6. Tài nguyên và môi trường**

### **6.1. Lĩnh vực đất đai**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030; tham mưu trình phê duyệt, tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2021 của huyện, trình UBND tỉnh phê duyệt để phục vụ cho công tác bồi thường, GPMB các dự án trên địa bàn; rà soát, bổ sung các danh mục công trình, dự án có sử dụng đất dự kiến thực hiện trong năm 2021 nhưng chưa đăng ký vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND, HĐND chấp thuận thông qua tại kỳ họp giữa năm 2021; thực hiện thống kê đất đai năm 2020 gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thu hồi 1.422 m<sup>2</sup> đất của 38 trường hợp hiến đất tại Thị trấn, xã Mường Báng và Xá Nhè; trình UBND tỉnh ủy quyền thu hồi đất 3 công trình<sup>8</sup>; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Kim Điện Biên tại Tổ dân phố Đồng Tâm, Thị trấn Tủa Chùa; Phối hợp với các đơn vị có liên quan làm việc, kiểm tra tại thực địa theo kiến nghị của 3 công dân thôn Nậm Bành, xã Huổi Sớ liên đến tranh chấp đất đai; Phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Điện Biên và các đơn vị liên quan kiểm tra hiện trạng sử dụng đất để lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của các điểm trường Mầm non trên địa bàn Thị trấn và các xã Mường Báng, Trường PTDTBT Tiểu học Trung Thu.

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 76 trường hợp; xác nhận sau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 10 trường hợp; đăng ký biến động do thay đổi thông tin của người sử dụng đất cho 35 trường hợp; giao dịch đảm bảo cho 120 trường hợp, thu nộp ngân sách Nhà nước 5,88 triệu đồng; chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất 57 trường hợp; gia hạn sử dụng đất nông nghiệp cho 5 trường hợp.

**6.2. Về lĩnh vực khoáng sản, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước:** Tổ chức triển khai thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn huyện; kiểm tra thực địa khu vực xin tận dụng đá trong phạm vi đường vào mỏ Sín Sủ xã Xá Nhè; rà soát, đề xuất các điểm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông

<sup>7</sup> HTX dịch vụ nông nghiệp Huổi Lực; HTX nông nghiệp Tiên Phong; HTX dịch vụ nông nghiệp Mường Đùn.

<sup>8</sup> Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Sinh Phình đi Đê Đê Hu, Tuyến đường từ trung tâm xã Lao Xá Phình đi thôn 3 hướng sang Trung Thu, tuyến đường từ Bản phố xã Trung Thu đến thôn 3 xã Lao Xá Phình

thường trên địa bàn gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh để kiểm tra đưa vào kế hoạch đầu giá quyền khai thác khoáng sản; tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí trên địa bàn; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Nước thế giới (22/3), ngày Khí tượng thế giới (23/3); ngày Môi trường thế giới và hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường; giờ Trái đất năm 2021.

**7. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn:** Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi, các hồ chứa, nạo vét kênh mương, chủ động điều tiết nước hợp lý, quản lý chặt chẽ nguồn nước cơ bản đảm bảo cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp. Tổ chức tổng kết công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2020, xây dựng phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và kế hoạch thu quỹ phòng chống thiên tai năm 2021; hỗ trợ 260 triệu đồng cho 13 hộ gia đình phải di dời khẩn cấp do thiên tai sạt lở trên địa bàn các xã: Mường Báng, Tả Phìn, Tả Sìn Thàng. Trong 6 tháng đầu năm địa bàn xảy ra dông lốc gây thiệt hại 2 pano, 3 cụm cột tuyên truyền, 1 trạm tiếp phát sóng truyền thanh; 20 ngôi nhà; 3,5 ha ngô nương. Hiện tại các đơn vị và người dân đã chủ động khắc phục.

**8. Công tác xây dựng nông thôn mới:** Tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt trên địa bàn các xã, triển khai thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới, kiểu mẫu; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thi công các công trình đã được phê duyệt đầu tư giai đoạn 2021-2025. Đến nay, bình quân các xã đạt 9,36 tiêu chí (xã Mường Báng đạt 14 tiêu chí, các xã còn lại đạt 8-12 tiêu chí).

## II. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

### 1. Giáo dục và đào tạo

#### 1.1. Lĩnh vực giáo dục

- Tổ chức tái giảng học kỳ II; tổ chức thành công Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện năm học 2020-2021, kết quả 163/169 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện<sup>9</sup>; tham dự thành công các kỳ thi, hội thi, cuộc thi cấp tỉnh tổ chức<sup>10</sup>. Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp THCS và bổ túc THCS<sup>11</sup>; ôn thi tốt nghiệp cho học sinh lớp 12 đảm bảo nội dung chương trình và kế hoạch thời gian năm học 2020-2021 phù hợp với điều kiện thực tế và tình hình, chống dịch Covid-19 trên địa bàn.

- Năm học 2020-2021, toàn huyện có 42 cơ sở giáo dục, 694 nhóm, lớp, 20.093 học sinh, học viên<sup>12</sup>. So với đầu năm học, toàn huyện giảm 160 học sinh<sup>13</sup>;

<sup>9</sup> Mầm non 57/58 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi; Tiểu học 66/68 giáo viên giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi; THCS: 40/43 giáo viên giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi.

<sup>10</sup> Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Điện Biên lần thứ XX năm 2021, đạt 14 giải thưởng, trong đó: 01 giải Nhất môn cầu Cầu lông (nội dung đôi nam, nữ THCS); 06 giải Nhì môn cầu Cầu lông (nội dung đơn nam TH, đơn nữ TH, đôi nữ TH, đơn nữ THCS, đôi nữ THCS, đôi nam THCS); 04 giải Ba môn cầu Cầu lông (nội dung đôi nam TH, đơn nam THCS, đơn nữ THCS, đôi nữ THCS); 01 giải Ba môn Đẩy gậy (hạng 47kg nam); 02 giải Ba môn Điền kinh (nội dung 400m nam và 1500m nam). Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh lần thứ VIII, năm học 2020-2021 với 03 dự án tham gia dự thi cấp tỉnh, kết quả 02/03 dự án đoạt giải Ba. Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh, năm học 2020-2021 với tổng số 62 học sinh đăng ký dự, kết quả 06/62 học sinh đoạt giải (01 giải Ba, 05 giải Khuyến khích).

<sup>11</sup> Năm học 2020 -2021, toàn có 1082 học sinh, học viên dự xét tốt nghiệp THCS và bổ túc THCS, kết quả có 100% học sinh, học viên dự xét đủ điều kiện và tiêu chuẩn công nhận tốt nghiệp (102 học sinh xếp tốt nghiệp loại Giỏi, đạt 9,4%; 497 học sinh, học viên xếp tốt nghiệp loại Khá, đạt 45,9%; 483 học sinh, học viên xếp tốt nghiệp loại Trung bình, đạt 44,7%).

<sup>12</sup> Mầm non 14 trường, 228 nhóm, lớp với tổng số 5.829 trẻ, trong đó: Nhà trẻ 38 nhóm với 854 trẻ, mẫu giáo 190 lớp với 4.975 trẻ; tiểu học 13 trường, 285 lớp với tổng số 7.845 học sinh; Trung học cơ sở 10 trường trực thuộc Phòng GD&ĐT và 02 trường liên cấp trực

duy trì huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; 7/12 xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 4/12 xã, thị trấn đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; toàn huyện hiện có 18/41 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 43,9%<sup>14</sup>.

**1.2. Lĩnh vực đào tạo:** Trung tâm GDNN-GDTX huyện đã phối hợp với các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh duy trì 01 lớp tiếng dân tộc Mông với 90 học viên; 01 lớp Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên với 55 học viên; 01 lớp Trung cấp kế toán với 22 học viên.

## **2. Văn hóa, thể thao, du lịch; thông tin - truyền thông**

### **2.1. Văn hóa, thể thao, du lịch**

- Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông năm 2021. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao không tổ chức được theo kế hoạch. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các ngày lễ lớn, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; phản ánh kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện; công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19<sup>15</sup>, tổ chức thành công 2 đợt tuyên truyền bầu cử tại xã Lao Xả Phình, Huổi Sớ;

- Ban hành kế hoạch phát triển du lịch năm 2021; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Câu lạc bộ Lữ hành Unesco Hà Nội tổ chức Đoàn khảo sát, đánh giá xây dựng sản phẩm du lịch trên địa bàn; tiến hành khảo sát một số điểm đến có tiềm năng phát triển du lịch trên địa bàn huyện; ban hành kế hoạch khảo sát quần thể cây Chè đề nghị công nhận cây Di sản; xây dựng các thủ tục pháp lý trình cấp có thẩm quyền cho phép triển khai thu phí tham quan hang động Khó Chua La, hang Xá Nhè.

### **2.2. Thông tin - Truyền thông**

- Thực hiện việc ngừng phát sóng truyền hình analog trên địa bàn huyện theo đúng yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 1770a/STTTT-KHTC ngày 24/12/2020; duy trì tốt công tác thu, tiếp sóng chương trình phát thanh - truyền hình của Trung ương, của tỉnh; xây dựng 50 bản tin truyền thanh, 504 tin, 86 phóng sự, 26 trang truyền hình cơ sở; tiếp phát lại 6.840 giờ sóng truyền thanh; thường xuyên

---

thuộc Sở GD&ĐT có học sinh THCS, 138 lớp với tổng số 4.920 học sinh; THPT 04 trường, 40 lớp, 1.417 học sinh; 01 Trung tâm GDNN-GDTX huyện với 03 lớp, 82 học viên.

<sup>13</sup> Mầm non tăng 13 trẻ (14 trẻ học sinh chuyển đến học tại địa phương, 01 trẻ chuyển trường đến địa phương khác); Tiểu học giảm 22 học sinh (08 học sinh chuyển đến học tại địa phương, 01 học sinh chết, 29 học sinh chuyển trường đến địa phương khác), THCS giảm 92 học sinh (03 học sinh chuyển đến học tại địa phương, 01 học sinh chết, 68 học sinh bỏ học, 24 học sinh chuyển trường đến địa phương khác, 02 học sinh nghỉ học bảo lưu kết quả), THPT giảm 58 học sinh (01 học sinh chuyển đến học tại địa phương, 01 học sinh chết, 40 học sinh bỏ học, 12 học sinh chuyển trường đến địa phương khác, 06 học sinh nghỉ học bảo lưu kết quả), Trung tâm GDNN-GDTX huyện giảm 01 học viên bỏ học.

<sup>14</sup> Năm học 2020-2021, công nhận mới 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Trường Mn Mường Đun); thẩm định công nhận lại 02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Trường MN Thị Trấn, Trường MN Hoa Ban); đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm công nhận mới 2 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Trường TH Tòa thành số 2; Trường PTĐT BT THCS Trung Thu).

<sup>15</sup> Tổ chức cắt, treo 132 băng zôn tuyên truyền<sup>15</sup>; 22 lượt cờ dấy; thay mặt bạt 17 cụm pano tuyên truyền các loại<sup>15</sup>; xây dựng 07 bản tin tuyên truyền bằng 3 thứ tiếng (Kinh, Thái, Mông) để tuyên truyền trên xe thông tin lưu động; tổ chức 114 lượt tuyên truyền bằng xe thông tin lưu động<sup>15</sup>; xây dựng 02 video giới thiệu về du lịch Tòa Chùa (lồng hồ sóng Đà, rừng ban Tà Si Lăng);

tuyên truyền về phòng chống dịch Covid-19, bầu cử, giới thiệu tiêu sử người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

- Tập trung triển khai các hoạt động xây dựng chính quyền điện tử; tiếp tục triển khai nâng cấp, điều chỉnh cấu trúc giao diện; 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn đã kết nối liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia; đăng 310 tin bài phản ánh các sự kiện chính trị, các hoạt động trên Trang Thông tin điện tử tổng hợp của huyện; cấp 153 chứng thư số cho 109 cá nhân, 44 tổ chức; tỷ lệ văn bản được ký số đạt 93,02%.

### **3. Y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình**

#### **3.1. Y tế**

- Công tác khám chữa bệnh cho nhân dân và phòng chống dịch bệnh luôn được đảm bảo, không có dịch bệnh xảy ra; duy trì 10 xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; đã kiểm tra 273 lượt vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở trên địa bàn huyện, qua kiểm tra không có cơ sở nào vi phạm; tổ chức khám bệnh cho 27.318 lượt người, điều trị nội trú 5.259 lượt người, điều trị ngoại trú 182 lượt người;

- Thực hiện chỉ đạo của các cấp, các ngành về công tác phòng, chống dịch Covid-19, UBND huyện đã ban hành các văn bản để tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở tập trung triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; thành lập các cơ sở cách ly tập trung; rà soát, lập danh sách các trường hợp trở về từ vùng dịch, lấy mẫu xét nghiệm, cách ly theo quy định. Tổng số người trở về từ vùng dịch được hướng dẫn theo dõi sức khỏe và áp dụng các biện pháp cách ly để phòng, chống dịch Covid-19 lũy tích là 6.428 người; tiêm 2.278 liều Vắc xin Covid-19 cho những người thuộc lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch và các đối tượng được ưu tiên. Bố trí kinh phí 1,85 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách huyện để triển khai các biện pháp phòng chống, kiểm soát dịch bệnh, đến thời điểm hiện tại trên địa bàn huyện không ghi nhận có trường hợp nhiễm Covid-19.

**3.2. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:** Tổng dân số toàn huyện đến thời điểm hiện tại là 60.316 người; chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình được bảo đảm; công tác truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết được triển khai sâu rộng đến cơ sở, trong 6 tháng đầu năm có 140 trường hợp tảo hôn, không có người hôn nhân cận huyết; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi, 5 tuổi vẫn ở mức cao<sup>16</sup>.

#### **4. Lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội**

- Duy trì việc làm thường xuyên cho 34.002 người, tạo việc làm mới 303 người; tư vấn và tuyển dụng 60 lao động đi làm việc trong nước theo hợp đồng có thời hạn. Tổ chức rà soát, lập danh sách 1.642 người lao động đang làm việc ở ngoài tỉnh, đặc biệt là làm việc tại tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương để hướng dẫn khai báo, cách ly y tế để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo quy định;

<sup>16</sup> Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 95,4 %o; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi 102%o;

- Chi trả kịp thời chế độ trợ cấp hàng tháng số tiền 2.165 triệu đồng cho 37 người có công với cách mạng và 1.187 đối tượng bảo trợ xã hội; tiếp nhận, trao tặng 4.123 suất quà trị giá 1.892 triệu đồng cho các hộ gia đình, cá nhân; hỗ trợ 140,89 tấn gạo cho 2.049 hộ bị thiếu đói; chúc thọ, mừng thọ cho 208 người cao tuổi, kinh phí thực hiện 132 triệu đồng; phê duyệt danh sách hỗ trợ làm mới, sửa chữa nhà ở cho 60 hộ gia đình người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (22 hộ xây mới, 38 hộ sửa chữa); ban hành quyết định hỗ trợ tiền điện cho 6.008 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, hiện các xã đang rút kinh phí để chi trả cho người dân;

- Ban hành Kế hoạch trẻ em năm 2021, Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030; phối hợp với Bệnh viện đa khoa tỉnh khám sàng lọc 87 trẻ em khuyết tật, trẻ em bị tim bẩm sinh trong đó chỉ định 4 cháu đi mổ tim tại Hà Nội; tiếp nhận và trao tặng 1.100 suất quà, trị giá 390 triệu đồng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; lập danh sách những trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để tham gia Chương trình "Cấp lá yêu thương" và xét duyệt đưa đi nuôi dưỡng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội, Làng trẻ em SOS trong và ngoài tỉnh;

- Ban hành kế hoạch cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện; kế hoạch phòng chống mại dâm, kế hoạch tiếp nhận nạn nhân bị mua bán trở về địa phương; đơn đốc xã Xá Nhè triển khai cai nghiện ma túy tại cộng đồng, hiện nay xã Xá Nhè đang lập hồ sơ và dự toán kinh phí để triển khai thực hiện;

- Toàn huyện có 2.254 người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; 640 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; 1.733 người tham gia bảo hiểm xã hội thất nghiệp; 58.926 người tham gia bảo hiểm y tế.

**III. Thực hiện các nguồn vốn:** UBND huyện đã đơn đốc, chỉ đạo quyết liệt các chủ đầu tư, đơn vị quản lý, điều hành dự án trên địa bàn khẩn trương triển khai thực hiện các dự án đã được phê duyệt, giải ngân vốn đầu tư ngay khi có khối lượng hoàn thành, xây dựng giải pháp cụ thể đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo đúng kế hoạch. Tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh theo quy định.

### **1. Vốn đầu tư**

**1.1. Phê duyệt đầu tư:** UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư mới 8 công trình, với tổng mức đầu tư 35,43 tỷ đồng.

**1.2. Kết quả thực hiện các nguồn vốn đầu tư:** Tổng kế hoạch vốn đầu tư được giao năm 2021 và được phép kéo dài sang năm 2021 là 53,218 tỷ đồng<sup>17</sup>, giải ngân đến 30/6/2021 là 24,152 tỷ đồng (đạt 45,33% kế hoạch).

- Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch vốn kéo dài 10 tỷ đồng, hiện chưa giải ngân thanh toán;

- Vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện: Kế hoạch vốn giao và kéo dài năm 2021 là 37,684 tỷ đồng<sup>18</sup>, đã giải ngân 22,897 tỷ đồng (đạt 60,76% kế hoạch vốn giao).

<sup>17</sup> Vốn kéo dài sang năm 2021 là 13 tỷ đồng, vốn giao năm 2021 là 40,218 tỷ đồng;



**1.3. Kết quả thực hiện các nguồn vốn sự nghiệp:** Kế hoạch vốn giao năm 2021 là 5,534 tỷ đồng, đã giải ngân 1,23 tỷ đồng (đạt 22,2% kế hoạch vốn giao).

**2. Quyết toán công trình, dự án hoàn thành:** Tính đến 30/6/2021, trên địa bàn huyện có 78 dự án đã hoàn thành, với tổng mức đầu tư 233,313 tỷ đồng<sup>19</sup>; 26 dự án đã phê duyệt quyết toán, với tổng mức đầu tư 54,796 tỷ đồng, giá trị đề nghị quyết toán 52,161 tỷ đồng, giá trị chấp nhận quyết toán 52,006 tỷ đồng<sup>20</sup>; 13 dự án hoàn thành đã gửi đến cơ quan thẩm tra quyết toán, nhưng chưa phê duyệt quyết toán, với tổng mức đầu tư 123,45 tỷ đồng, giá trị đề nghị quyết toán 110,507 tỷ đồng, đã cấp phát thanh toán 104,052 tỷ đồng<sup>21</sup>; 39 dự án hoàn thành đang lập hồ sơ phê duyệt quyết toán, tổng mức đầu tư là 55,068 tỷ đồng<sup>22</sup>.

#### **IV. Công tác tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền, thanh tra và phòng chống tham nhũng**

**1. Tư pháp:** Tổ chức 265 cuộc tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho 18.664 lượt người nghe; tham gia vào 6 dự thảo văn bản QPPL<sup>23</sup>; đăng ký khai sinh cho 822 trường hợp; đăng ký kết hôn cho 177 cặp vợ chồng; đăng ký khai tử cho 102 trường hợp; đăng ký nhận cha, mẹ, con cho 84 trường hợp; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho 146 trường hợp; cải chính hộ tịch 47 trường hợp; thay đổi hộ tịch 18 trường hợp; xác định lại dân tộc 1 trường hợp; Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác 01 trường hợp; nuôi con nuôi 02 trường hợp; chứng thực bản sao bằng tiếng việt 13.839 bản, chứng thực hợp đồng giao dịch 130 việc, chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản 39 việc; tiếp nhận, giải quyết 77 vụ hòa giải cơ sở (hòa giải thành 51 vụ, hòa giải không thành 26 vụ).

#### **2. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền, thi đua - khen thưởng**

**2.1. Cải cách hành chính:** Tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính năm 2021; triển khai tự chấm điểm xác định chỉ số cải cách cấp huyện năm 2020; phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên điều tra xã hội học trên địa bàn tỉnh; tổ chức cho công chức phụ trách, theo dõi công tác cải cách hành chính tham gia lớp tập huấn về phần mềm chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh; tổ chức thành công bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

#### **2.2. Tổ chức bộ máy, thi đua - khen thưởng**

<sup>18</sup> Vốn kéo dài sang năm 2021 là 3 tỷ đồng, vốn giao năm 2021 là 34,684 tỷ đồng;

<sup>19</sup> Tỉnh quản lý 5 dự án, với tổng mức đầu tư 103,328 tỷ đồng; huyện quản lý 19 dự án, với tổng mức đầu tư là 56,948 tỷ đồng; các xã quản lý 54 dự án, với tổng mức đầu tư là 73,038 tỷ đồng;

<sup>20</sup> UBND huyện đã phê duyệt quyết toán 14 dự án với tổng mức đầu tư 40,47 tỷ đồng, giá trị đề nghị quyết toán 38,620 tỷ đồng, giá trị phê duyệt quyết toán 38,497 tỷ đồng; UBND các xã, thị trấn đã phê duyệt quyết toán 11 dự án với tổng mức đầu tư 9,276 tỷ đồng, giá trị đề nghị quyết toán 9,001 tỷ đồng, giá trị phê duyệt quyết toán 8,969 tỷ đồng; tỉnh phê duyệt quyết toán 1 dự án với tổng mức đầu tư 5,05 tỷ đồng, giá trị đề nghị quyết toán 4,54 tỷ đồng, giá trị phê duyệt quyết toán 4,54 tỷ đồng;

<sup>21</sup> Dự án do tỉnh quản lý đã gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính nhưng chưa quyết toán là 04 dự án, với tổng mức đầu tư 98,278 tỷ đồng, đã cấp phát thanh 81,27 tỷ đồng, giá trị đề nghị quyết toán 86,222 tỷ đồng; huyện quản lý 04 dự án, với tổng mức đầu tư 15,99 tỷ đồng, đã cấp phát thanh toán 13,792 tỷ đồng, giá trị đề nghị quyết toán 15,296 tỷ đồng; dự án các xã quản lý là 5 dự án, với tổng mức đầu tư 9,182 tỷ đồng, đã cấp phát thanh toán 8,989 tỷ đồng, giá trị đề nghị quyết toán 8,989 tỷ đồng (Phòng Tài chính - Kế hoạch đã thẩm tra quyết toán xong 02 dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của UBND huyện và 01 dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của UBND các xã, thị trấn);

<sup>22</sup> Huyện quản lý 01 dự án, tổng mức đầu tư 0,488 tỷ đồng; các xã quản lý 38 dự án, tổng mức đầu tư 54,58 tỷ đồng;

<sup>23</sup> Nghị định quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tập cận pháp luật; Quyết định thay thế Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 và Quyết định số 42/QĐ-TTg ngày 20/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư hướng dẫn việc đánh giá tác động TTHC trong lập đề nghị và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản; Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Tổng biên chế toàn huyện 1.335 người<sup>24</sup>; rà soát nhu cầu bổ nhiệm, xét, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 12 đồng chí CBQL, trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương<sup>25</sup>. Điều động 1 công chức; biệt phái 6 viên chức đến làm việc tại các cơ quan chuyên môn; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với 1 viên chức hoàn thành chế độ tập sự. Đồng ý cho 3 công chức, viên chức đi liên hệ chuyên công tác; tiếp nhận 1 viên chức đến nhận công tác tại các đơn vị trường học thuộc quản lý của UBND huyện; giải quyết cho 4 viên chức nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP đợt 1 năm 2021; giải quyết chế độ chính sách nâng lương, thâm niên vượt khung, thâm niên nhà giáo cho cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định. Đề nghị Sở Nội vụ chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cá nhân có quyết định hợp đồng lao động của Sở Nội vụ.

- Chính quyền cơ sở: Tổ chức đánh giá phân loại chính quyền cơ sở năm 2020; tiếp tục rà soát, bố trí công an chính quy về đảm nhiệm chức vụ trưởng, phó công an xã trên địa bàn đối với các xã chưa bố trí trưởng công an là công an chính quy, đến thời điểm hiện tại tổng số biên chế CBCC cấp xã là 231 người, trong đó cán bộ là 114 người, công chức là 117 người; xếp lương 1 người; thôi xếp phụ cấp 1 người; xếp phụ cấp 4 người; miễn nhiệm Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng 3 người; xếp phụ cấp thâm niên Phó Chỉ huy trưởng Quân sự xã 1 người; cho nghỉ hưu chờ đủ tuổi hưởng chế độ BHXH 01 người; thống kê chất lượng CBCC xã và đại biểu HĐND, thành viên UBND cấp huyện, cấp xã; điều động 1 người; hợp đồng nhân viên thú y, khuyến nông viên cấp xã và cộng tác viên khuyến nông thôn, bản; chuyển xếp lương cho 17 người; đã thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức xã năm 2020 theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND huyện đã phối hợp với HĐND, UBNDTTQ, Ủy ban bầu cử huyện chỉ đạo chuẩn bị chu đáo về cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí, bố trí và huy động lực lượng trực tiếp làm công tác bầu cử thực hiện tốt chuẩn bị các địa điểm bỏ phiếu, đảm bảo tình hình an ninh trật tự, công tác phòng chống dịch Covid-19, tăng cường kiểm tra cơ sở, hướng dẫn các tổ bầu cử thực hiện tốt nhiệm vụ trong ngày bầu cử. Kết quả thực hiện cụ thể<sup>26</sup>.

- Khen thưởng: Tổ chức đăng ký 650 đề tài cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện; đề nghị công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh cho 1 cá nhân; Công nhận danh hiệu lao động tiên tiến cho 32 tập thể, 187 cá nhân; 54 chiến sỹ thi đua cơ sở; tặng Giấy khen cho 37 tập thể, 221 cá nhân; tặng giấy khen cho 14 tập thể và 32 cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai và thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; khen thưởng đột xuất, chuyên đề cho 20

<sup>24</sup> 86 công chức hành chính cấp huyện, 1.092 viên chức sự nghiệp giáo dục, 86 viên chức sự nghiệp khác, 71 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68/2000

<sup>25</sup> 03 đồng chí Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương; bổ nhiệm lại 05 Phó Trưởng phòng, 04 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

<sup>26</sup> Tổng số cử tri đi bầu 31.913/31.935 cử tri đạt 99,93%; 117/121 khu vực bỏ phiếu đạt 100%; 8/12 xã cử tri đi bầu cử đạt 100%, 04 xã không đạt 100% (xã Sín Chải, Tả Phìn, Thị trấn, Mường Đun); Kết quả bầu cử đại biểu HĐND tỉnh (08 người ứng cử, được bầu 05 đại biểu, đã bầu đủ 05 đại biểu); đại biểu HĐND huyện (được bầu 33 đại biểu, đã bầu đủ 33 đại biểu); đại biểu HĐND xã (được bầu 260 đại biểu, đã bầu được 252, thiếu 8 đại biểu); Không có đơn vị, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử lại, bị hủy kết quả bầu cử).

tập thể và 53 cá nhân. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen 6 cá nhân, UBND tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc cho 2 tập thể, công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc 18 tập thể; Bằng khen 4 tập thể, 26 cá nhân.

### **3. Thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

**3.1. Công tác thanh tra:** Xây dựng và ban hành Kế hoạch thanh tra, Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2021; thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý đất đai và thủ tục hành chính về đất đai tại UBND xã Lao Xả Phình; thanh tra trách nhiệm Chủ tịch UBND các xã Mường Báng, Xá Nhè, Lao Xả Phình trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, việc chấp hành pháp luật trong quản lý ngân sách; thanh tra công tác quản lý điều hành ngân sách; việc chi trả chế độ cho giáo viên và học sinh tại 10 đơn vị trường học thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo<sup>27</sup>. Đã kết thúc 3 cuộc, thu hồi nộp ngân sách Nhà nước 107.472.000 đồng, kiến nghị xử lý khác về kinh tế 20.080.000 đồng, kiến nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 15 cá nhân, các đơn vị có sai phạm đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với 13 cá nhân; tiếp tục đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm Kết luận thanh tra.

**3.2. Tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:** Tiếp 9 lượt, với 21 công dân; tiếp nhận 20 đơn kiến nghị phản ánh (đơn đủ điều kiện xử lý 17 đơn; đơn không đủ điều kiện xử lý 3 đơn), 12 đơn thuộc thẩm quyền UBND huyện, giao các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND huyện giải quyết<sup>28</sup>; 5 đơn kiến nghị phản ánh không thuộc thẩm quyền, chuyển các cơ quan liên quan giải quyết.

**3.3. Phòng, chống tham nhũng:** Ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021; tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản phòng ngừa tham nhũng của các cấp, các ngành liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng. Toàn huyện có 431 người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, đến nay, 100% cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và người phải kê khai tài sản, thu nhập đã nộp hồ sơ kê khai về Phòng Nội vụ huyện theo quy định.

## **V. Công tác dân tộc và tôn giáo**

**1. Công tác dân tộc:** Tặng quà tết Nguyên Đán cho 115 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, kinh phí thực hiện 57,5 triệu đồng; tổ chức lồng ghép 1 buổi tổ chức sinh hoạt dòng họ để tuyên truyền pháp luật cho 90 lượt người nghe; ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch thực hiện năm 2021; tổ chức rà soát, xác định nhu cầu đầu tư, lập danh mục công trình đối với từng dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát

<sup>27</sup> Các trường: Mầm non Hoa Ban, Mầm non thị trấn, PTDTBT Tiểu học Kim Đồng, PTDTBT Tiểu học Mường Báng, PTDTBT Tiểu học Xá Nhè; PTDTBT THCS Sính Phình, PTDTBT THCS Trung Thu, PTDTBT TH&THCS Lao Xả Phình, PTDTBT THCS Sín Chải, PTDTBT TH Tả Phìn;

<sup>28</sup> Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện 08 đơn; Thanh tra huyện 02 đơn; Phòng Nội Vụ 01 đơn; Lao động TBXH phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch 01 đơn.

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; đánh giá xác định các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2011-2021. Chỉ đạo các xã chấp hành nghiêm kết luận số 239/KL-BDT của Thanh tra Ban Dân tộc tỉnh hiện các xã đã nộp số tiền 10.562.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Ban dân tộc tỉnh Điện Biên.

**2. Công tác tôn giáo:** Trên địa bàn huyện có 2 tôn giáo đang hoạt động (Đạo tin lành và Công giáo<sup>29</sup>), với 1 giáo họ và 23 điểm nhóm đạo tin lành, 20/23 điểm nhóm đạo tin lành được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo. Tình hình tôn giáo trên địa bàn nhìn chung tương đối ổn định, không phát sinh các điểm nóng, phức tạp về tôn giáo trên địa bàn. Trong 06 tháng đầu năm trên địa bàn có 9 hộ, 39 khẩu theo đạo Tin lành.

## VI. Quốc phòng - an ninh

**1. Công tác quốc phòng:** Duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tổng kết công tác quốc phòng, quân sự địa phương 2020; triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2021; xây dựng kế hoạch công tác quân sự, quốc phòng và công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2021; xây dựng kế hoạch đơn vị vững mạnh toàn diện “*mẫu mực, tiêu biểu*”, kế hoạch công tác giai đoạn đệm, kế hoạch tác chiến điện tử; xây dựng mới hệ thống văn kiện tác chiến phòng thủ, Quyết tâm A, kế hoạch A2, A3 và các kế hoạch bảo đảm theo quyết tâm A; tổ chức bàn giao 80 tân binh năm 2021 cho các đơn vị nhận quân nhận quân; tổ chức thực hiện kế hoạch phúc tra quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân năm 2021; tổ chức huấn luyện 5/20 đầu mỗi DQTV, kết quả đạt Khá.

**2. An ninh, trật tự:** Triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh các loại tội phạm, các tệ nạn xã hội trên địa bàn; bố trí lực lượng xuống địa bàn cơ sở; đẩy mạnh xây dựng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, mua bán người. Trong 6 tháng đầu năm, ghi nhận 2 người nước ngoài đến địa bàn huyện để du lịch, làm việc; 7 công dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để làm thuê nay quay lại địa bàn; phát hiện 2 hộ, 14 khẩu di cư tự do; xảy ra 2 vụ tranh chấp đất đai; 1 vụ tai nạn giao thông làm chết 1 người, bị thương 1 người; xảy ra 9 vụ tai, tệ nạn làm chết 9 người<sup>30</sup>. Bắt, khởi tố 20 vụ, 23 đối tượng vi phạm pháp luật về hình sự, ma túy, thu giữ một số tang vật trị giá 11, 275 triệu đồng và 36,9582 gam Heroin, 9,9145 gam ma túy tổng hợp.

## B. Đánh giá chung

**I. Kết quả đạt được:** Trong 6 tháng đầu năm, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt của UBND huyện, sự phối hợp, chủ động của các cấp, các ngành, nhiều chỉ tiêu phát triển

<sup>29</sup>Đạo tin lành có 23 điểm nhóm sống rải rác ở 63 thôn bản của 11 xã với 385 hộ, 2.069 khẩu (9 điểm nhóm Đạo Tin lành tại các xã Xá Nhè, Trung Thu, Sinh Phình, Mường Báng, Tủa Thàng, Mường Đùn, Huổi Sớ; 01 Liên đoàn Truyền giáo Phúc âm tại xã Mường Báng; 13 điểm nhóm Hội Thánh Truyền giáo Phúc âm tại các xã Sin Chải, Tả Sin Thàng, Tủa Thàng, Tả Phìn, Lao Xá Phình, Sinh Phình; Công giáo có 1 giáo họ với 29 hộ, 115 khẩu.

<sup>30</sup> 06 vụ tự tử làm chết 06 người do mâu thuẫn gia đình ăn lá ngón; 01 vụ điện giật do sơ xuất trong sử dụng điện làm chết 01 người; 01 vụ sử dụng vật liệu nổ trái phép để bắt cá làm chết 01 người; 01 vụ tai nạn rùi ro làm chết 01 người.

kinh tế, xã hội đạt được mục tiêu đề ra, các chính sách hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi được chủ động triển khai, công tác chăm sóc, bảo vệ rừng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo; các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công được triển khai kịp thời, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên; công tác giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực; công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được quan tâm chỉ đạo thực hiện, trên địa bàn huyện hiện tại không có trường hợp nhiễm Covid-19; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật triển khai sâu rộng đến các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân được nâng lên. Quốc phòng, an ninh luôn được giữ vững, không xảy ra đột xuất, bất ngờ.

## **II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **I. Tồn tại, hạn chế**

- Một số chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, giao thông vận tải chưa đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao; việc khai thác tiềm năng lợi thế của các địa phương chưa thực sự hiệu quả.

- Một số khoản thu đạt thấp, một số đơn vị kết quả thực hiện giao thu ngân sách còn chưa thực hiện; công tác giải ngân thực hiện một số nguồn vốn của một số đơn vị vẫn còn chậm;

- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp thấp so với mặt bằng chung của tỉnh; cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục;

- Tình trạng tảo hôn; tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi, 5 tuổi, tỷ lệ sinh con thứ 3 còn cao;

- Công tác phối hợp ở một số cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chưa kịp thời;

- Một số tệ nạn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; tình hình tội phạm ngày càng tinh vi và mạnh động.

## **II. Nguyên nhân**

### **1. Nguyên nhân khách quan**

- Tình hình thời tiết trên địa bàn diễn biến bất thường (thời tiết nắng nóng, khô hạn kéo dài, liên tiếp xảy giông lốc làm thiệt hại lớn đến sản xuất...), dịch tả lợn Châu Phi tái phát và lây lan trên diện rộng...;

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên cả nước và một số huyện trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp nên việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch đã gây ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh, phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của doanh nghiệp, người dân trên địa bàn huyện;

- Việc phân bổ dự toán chi ngân sách của một số nguồn vốn còn chậm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân;

- Quy mô số lớp, số học sinh tăng trong khi không đủ giáo viên đứng lớp theo quy định, nên tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ thấp so với mặt bằng chung của tỉnh.

### **2.1. Nguyên nhân chủ quan**

- Một số xã chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo nhân dân chủ động phòng chống thiên tai, rét đậm rét hại và dịch bệnh; chưa có nhiều giải pháp cách làm hay, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ để thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, một bộ phận người dân chậm đổi mới trong việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao và áp dụng kỹ thuật vào sản xuất, chưa tích cực trong công tác bảo vệ và phát triển rừng;

- Một bộ phận người dân nhận thức về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình còn hạn chế dẫn đến tình trạng tảo hôn, tỷ lệ sinh con thứ 3 còn cao;

- Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và phối kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ được UBND huyện giao của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa kịp thời, quyết liệt, hiệu quả chưa cao; việc nắm bắt và xử lý các thông tin tại cơ sở chưa kịp thời.

## **Phần thứ hai**

### **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021**

#### **I. Phát triển kinh tế**

##### **1. Phát triển nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn**

- Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ sản xuất, tăng cường cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở để phối hợp với các xã, thị trấn chỉ đạo sản xuất, khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi vào sản xuất; tập trung phát triển sản xuất hàng hóa đối với các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tích cực thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, khuyến khích phát triển các hình thức sản xuất có sự liên kết đảm bảo khâu sản xuất đến tiêu thụ; đẩy mạnh chuyển đổi phương thức nuôi trồng thủy sản thâm canh, nuôi cá lồng bè có giá trị kinh tế cao tại các khu vực có điều kiện phù hợp; phát triển các hợp tác xã, các mô hình kinh tế tập thể, mô hình trang trại trong sản xuất nông nghiệp gắn sản xuất với thị trường, trao đổi hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm;

- Chủ động các biện pháp phòng chống thiên tai (rét đậm, rét hại, mưa lũ...) hạn chế thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra cho người dân và sản xuất nông nghiệp. Tăng cường các biện pháp phòng chống bệnh Tả lợn Châu phi và các bệnh nguy hiểm trên động vật, đẩy mạnh thông tin, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp vệ sinh, phòng dịch, chăn nuôi an toàn sinh học để hạn chế dịch bệnh;

- Tiếp tục khoanh nuôi tái sinh để tăng độ che phủ rừng; thực hiện giao rừng và giao đất lâm nghiệp chưa có rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường các biện pháp phòng chống cháy rừng, quản lý, bảo vệ rừng, xử lý nghiêm các vụ vi phạm;

- Tiếp tục chỉ đạo chăm sóc, bảo vệ diện tích chè hiện có; đẩy mạnh quảng bá giới thiệu sản phẩm chè Shan Tuyết và các sản phẩm OCOP của huyện.

##### **1.2. Giao thông, công nghiệp; quản lý đầu tư xây dựng**

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý hành lang an toàn đường bộ, quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị; đảm bảo trật tự an toàn giao thông

trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện giao quản lý và khoán duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên các công trình đường bộ; chỉ đạo các xã vận động nhân dân tu sửa các công trình đường bộ liên xã, liên thôn bản sau mùa mưa; tranh thủ các nguồn vốn để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường; tăng cường kiểm tra kết cấu hạ tầng giao thông, đảm bảo an toàn giao thông;

- Thúc đẩy phát triển sản xuất vật liệu xây dựng; đẩy mạnh hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất tiêu thủ công nghiệp tiếp cận các thị trường trong và ngoài tỉnh; Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2021 trên địa bàn huyện để có kế hoạch hỗ trợ sản xuất và xúc tiến thương mại;

- Thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên những công trình thật sự cấp bách, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư; quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư, theo dõi sát tiến độ triển khai, chất lượng công trình các dự án để điều chỉnh kịp thời, đúng quy định; Chuẩn bị danh mục đầu tư năm 2022; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2022.

### **1.3. Thương mại, dịch vụ**

- Khuyến khích đầu tư và hỗ trợ hoàn thiện hạ tầng thương mại tại các khu đô thị; tạo điều kiện để phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh thương mại theo quy mô hộ kinh doanh cá thể để tạo điều kiện phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa; Triển khai thực hiện chuyển đổi công tác quản lý, khai thác kinh doanh tại các chợ trên địa bàn;

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống hàng giả, gian lận thương mại; bảo đảm cung ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm các điều kiện về kinh doanh theo quy định. Đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm nông nghiệp huyện có thể mạnh như khoai sọ tím, chè Tuyết Shan, đậu đỏ... và các sản phẩm thủ công truyền thống tiêu biểu của huyện như chế tác nhạc cụ truyền thống, thêu, rèn đúc... đến các thị trường trong và ngoài tỉnh.

### **1.4. Quản lý, điều hành ngân sách**

- Thực hiện điều hành dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 linh hoạt theo đúng chỉ đạo của các cấp, các ngành; tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi tiêu hành chính theo hướng mở rộng khoán chi đối với các cơ quan đơn vị gắn với kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng quy định của luật ngân sách, đảm bảo các khoản dự phòng chi cho các yêu cầu nhiệm vụ chi cấp bách, đột suất phát sinh trên địa bàn; tích cực đôn đốc xử lý nợ đọng thuế trong các doanh nghiệp;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước của các cơ quan, đơn vị; thông báo công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, hạn chế thất thoát ngân sách;

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đổi mới công nghệ.

### **1.5. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

- Tiếp tục triển khai lập, trình thẩm định, phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030; Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện; chuẩn bị các nội dung, quy trình liên quan để thực hiện đấu giá trong năm 2021; chỉ đạo Trung tâm quản lý đất đai, UBND các xã, thị trấn rà soát quỹ đất có khả năng đấu giá để xây dựng kế hoạch đấu giá cho những năm tiếp theo;

- Tiếp tục triển khai công tác rà soát, hoàn chỉnh việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2019-2023; tăng cường công tác quản lý trong việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Trên cơ sở quy hoạch, chủ động quỹ đất để thu hút các nguồn lực đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo đảm hài hòa các lợi ích giữa Nhà nước và người có đất phải thu hồi. Giải quyết dứt điểm những vướng mắc, khó khăn về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho người sử dụng đất;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai; xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày về môi trường trong năm 2021; thực hiện xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của chủ dự đầu tư dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện;

## **2. Văn hóa - xã hội**

**2.1. Giáo dục và đào tạo:** Phối hợp tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; tổ chức tổng kết năm học 2020-2021, triển khai phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp và chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho năm học mới 2021-2022. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn huy động tối đa học sinh trong độ tuổi ra lớp, duy trì số lượng và tính chuyên cần của học sinh, hạn chế học sinh bỏ học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh; thực hiện kiểm tra, rà soát các tiêu chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia và đánh giá ngoài một số cơ sở giáo dục theo kế hoạch; củng cố và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

### **2.2. Y tế**

- Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình; tăng cường các hoạt động truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình, thực hiện các giải pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh và thực hiện bình đẳng giới, giảm dân tình trạng vi phạm các chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình; tăng cường cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao cho tuyến y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế; chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tỷ suất tử vong của



trẻ em dưới 5 tuổi, tình trạng tảo hôn; thường xuyên kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, các cơ sở hành nghề y - dược tư nhân, kinh doanh mỹ phẩm trên địa bàn huyện; đẩy mạnh phong trào vận động hiến máu nhân đạo tình nguyện; duy trì và nâng cao các tiêu chí quốc gia về y tế của các xã đã được công nhận; tập trung xây dựng xã Tả Sơn Thành đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã;

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Quốc gia, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, Huyện ủy về công tác phòng, chống dịch Covid-19; thực hiện các nguyên tắc phòng, chống dịch theo phương châm “4 tại chỗ; tăng cường công tác rà soát truy vết các trường hợp có tiếp xúc liên quan đến các ca bệnh dương tính tại các địa phương trên toàn quốc, kịp thời ngăn chặn dịch bệnh xâm nhập vào địa bàn; thực hiện nghiêm quy định về cách ly, theo dõi y tế sau cách ly; rà soát, củng cố các khu cách ly tập trung trên toàn huyện, thực hiện nghiêm các quy định của Bộ Y tế về phòng, chống lây nhiễm chéo trong khu cách ly. Xây dựng phương án phòng, chống dịch và cách ly, phong tỏa từng khu vực trên địa bàn khi có các ca bệnh dương tính;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm hoặc có hành vi vi phạm trong quy định phòng, chống dịch; giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định tại các cơ sở sản xuất kinh doanh và các loại hình dịch vụ buộc dừng hoạt động. Chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất trang thiết bị, nhân lực sẵn sàng thu dung điều trị bệnh nhân. Đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng, chống lây nhiễm Covid-19 trong cơ sở khám chữa bệnh.

### **2.3. Văn hóa, thể thao, du lịch; thông tin và truyền thông**

- Đẩy mạnh hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao tại cơ sở; xã hội hóa hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; tổ chức thành công Đại hội Thể dục, thể thao huyện Tả Chùa lần thứ X; thực hiện có hiệu Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa và đưa văn hóa - thông tin về cơ sở; đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao theo kế hoạch; tăng cường huy động các nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản văn hoá các dân tộc, các di tích đã được công nhận; tăng cường công tác quản lý các dịch vụ văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông, đẩy mạnh tuyên truyền các sự kiện, các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, của huyện; tổ chức thu phí tham quan hang động Khó Chua La, hang động Xá Nhè; tổ chức khảo sát hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận cây Chè, quần thể cây Chè là cây Di sản;

- Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, trọng tâm là tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; vận hành có hiệu quả các đài truyền thanh cơ sở, tổ chức bàn giao việc quản lý Trạm Truyền thanh - Truyền hình xã Sính Phình về cho xã Sính Phình quản lý và vận hành;

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển du lịch năm 2021, xây dựng kế hoạch phát triển du lịch năm 2022.

**2.4. Lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội; thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

- Tăng cường công tác truyền thông về xóa đói, giảm nghèo; tổ chức điều tra, rà soát, đánh giá đúng thực tế hiện trạng đói nghèo trên địa bàn huyện để đề xuất các chính sách hỗ trợ;

- Chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công và chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19; tiếp tục mở các lớp đào tạo nghề, đẩy mạnh công tác giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động;

- Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy; theo dõi quản lý chặt chẽ số người nghiện ma túy, giúp người nghiện sau cai hòa nhập cộng đồng; tiếp tục duy trì các cơ sở điều trị, cấp phát methadone;

- Tập trung chỉ đạo UBND các xã, thị trấn quản lý chặt chẽ số lao động địa phương ra ngoài huyện làm việc để triển khai thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ theo quy định và hướng dẫn khai báo, cách ly y tế trong thời gian có dịch bệnh covid-19.

### **2.5. Công tác dân tộc, tôn giáo**

- Tăng cường công tác kiểm tra cơ sở, chủ động nắm bắt tình hình triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế, tạo điều kiện cho các đơn vị cơ sở thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; triển khai đảm bảo tiến độ, hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; chủ động, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, đoàn thể liên quan tăng cường công tác tuyên truyền về các chế độ chính sách dân tộc đối với đồng bào DTTS&MN, phát huy tối đa vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng thôn, bản trong việc tuyên truyền Đề án, Kế hoạch về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào DTTD&MN trên địa bàn huyện;

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về quản lý tôn giáo; hướng dẫn chức sắc, tổ chức tôn giáo, các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật; cấp phép sinh hoạt cho 8 điểm nhóm tôn giáo đủ điều kiện; tiếp tục rà soát, hướng dẫn các điểm, nhóm tôn giáo đăng ký hoạt động theo quy định; chủ động phòng ngừa, làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch.

## **3. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng; thanh tra, tư pháp**

### **3.1. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng**

- Đẩy mạnh công tác xây dựng củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh; công tác dân vận của cơ quan nhà nước; việc tinh giản biên chế theo tinh quy định; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ từ huyện đến cơ sở; thực hiện luân chuyển cán bộ; rà soát, sắp xếp, bố trí hợp lý cơ cấu tổ chức, biên chế theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ hàng năm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước;

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy cơ quan hành chính Nhà nước và đội ngũ cán bộ công chức; duy trì cơ chế một cửa tại các xã, thị trấn và một cửa liên thông tại Văn phòng HĐND và UBND huyện; thực hiện nghiêm các quy định trong việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực tại các cơ quan đơn vị, tạo điều kiện cho người dân, tổ chức được tiếp cận thuận lợi trong việc tra cứu, giám sát việc thực hiện các thủ tục hành chính;

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về tuyển dụng luân chuyển, điều động, bổ nhiệm công chức, viên chức quản lý theo đúng quy trình, thủ tục quy định; tăng cường kiểm tra thực hiện nội quy, quy chế làm việc, xử lý nghiêm cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật lao động và cán bộ, công chức, viên chức nghiện các chất ma túy.

### **3.2. Thanh tra, tư pháp**

- Triển khai các cuộc thanh tra theo kế hoạch, xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2022; thực hiện đồng bộ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí; tập trung thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản; giải quyết đúng quy trình về đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, không để đơn thư tồn đọng; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán của các cấp, các ngành;

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý. Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn, tăng cường quản lý nhà nước về công tác quản lý hộ tịch, chứng thực, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính...

**4. Xây dựng nông thôn mới:** Tiếp tục triển khai thực hiện việc kết hợp hiệu quả các nguồn vốn có cùng mục tiêu qua đó góp phần cải thiện hạ tầng nông thôn, thúc đẩy phát triển sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân hướng đến xây dựng nông thôn mới, tiếp tục chỉ đạo các xã Mường Báng, Mường Đun, Tủa Thàng hoàn thành các tiêu chí để cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, vận động người dân ủng hộ, hưởng bằng các hình thức như tham gia lao động, hiến đất để xây dựng, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn, thực hiện tu sửa, dọn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng; huy động nhân dân, các tổ chức đóng góp công sức, hiến đất xây dựng cơ sở hạ tầng.

### **5. Quốc phòng - an ninh**

- Tiếp tục tăng cường năng lực phòng thủ, chủ động đối phó với các tình huống, không để xảy ra các tình huống bất ngờ; kết hợp củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, bảo đảm các điều kiện cơ bản về sản xuất, đời sống cho nhân dân; tổ chức đăng ký, quản lý nam công dân trong độ tuổi 17 và tuổi sẵn sàng nhập ngũ; triển khai và thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2022 theo chỉ tiêu tỉnh giao; triển khai nhiệm vụ huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên; xây dựng kế hoạch huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật năm 2021; tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ tại các xã Huồi Sớ, Lao Xả Phình, Tả Phìn; diễn tập ứng phó cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn tại xã Tủa Thàng; thực hiện tốt công tác tuyên chọn và gọi công dân nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng;

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án quốc gia về phòng chống tội phạm; chủ động phòng ngừa, đấu tranh kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy và tội phạm về trật tự xã hội; đảm bảo an ninh thông tin, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa - tư tưởng và an ninh nông thôn; ngăn chặn có hiệu quả việc di dịch cư tự do, tuyên truyền đạo trái pháp luật; đẩy mạnh công tác đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm ma túy, kiềm chế tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí; tăng cường công tác vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm; phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 của UBND huyện Tủa Chùa./.

***Nơi nhận:***

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Tuyết Ban**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**  
(kèm theo Báo cáo số: 231 /BC-UBND ngày 20 /7/2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

S TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng năm 2021													So sánh %	
					Tổng số	Trong đó												Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021
						Thị trần	Mường Báng	Xá Nhè	Mường Đùn	Tủa Thàng	Sính Phình	Trung Thu	Tả Phìn	Lao Xá Phình	Tả Sin Thàng	Sín Chải	Huổi Số		
<b>A</b>	<b>Nông nghiệp</b>																		
<b>I</b>	<b>Sản xuất cây lương thực</b>																		
-	Tổng diện tích cây lương thực có hạt	Ha	8.502	9.546	9.493	438	1.280	1.085	506	829	1.296	650	734	580	708	891	496	111,66	99,44
-	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	3.602,6	26.916,1	3.803,59	1.069	446	491	763	414	325	57	213	-	21		5,5	105,6	14,13
	Trong đó: - Sản lượng thóc	Tấn	3.371,6	15.060,49	3.561,5	1.069,2	446,4	490,6	762,5	414	88	57	212,6		21,2			105,63	23,65
-	Sản lượng thóc ruộng	Tấn	3.371,6	12.319,9	3.561,5	1.069	446	491	763	414	88	57	213		21			105,63	28,91
-	Cơ cấu thóc ruộng trong tổng sản lượng	%	93,6	45,8	93,64	100	100	100	100	100	27,11	100	100		100			0,05	47,86
<b>1</b>	<b>Cây lúa</b>																		
-	Diện tích	Ha	3.310	4.393	4.330	368	695	635	331	489	626	170	264	105	183	221	243	130,82	98,57
-	Năng suất lúa	Tạ/ha	10,19	34,28	8,23	29,1	6,4	7,7	23,0	8,5	1,4	3,4	8,1		1,2			80,75	23,99
-	Sản lượng	Tấn	3.371,6	15.060,49	3.561,53	1.069	446	491	763	414	88	57	213		21,2			105,63	23,65
<b>a</b>	<b>Lúa Đông Xuân</b>																		
-	Diện tích	Ha	561	572	581	162	72,0	85	125	69	16	10	38		4			103,57	101,57
-	Năng suất	Tạ/ha	60,1	61,21	61,3	66	62	57,72	61	60	55	57	55,96		53			102,00	100,15
-	Sản lượng	Tấn	3.371,6	3.501,2	3.561,5	1.069,2	446,4	490,6	762,5	414	88	57	212,6		21,2			105,63	101,72
<b>b</b>	<b>Lúa mùa</b>																		
-	Diện tích	Ha	893	2.040	1.968	189	250	275	165	220	230	110	176	55	134	121	43	220,38	96,5
-	Năng suất	Tạ/ha		43,1															
-	Sản lượng	Tấn		8.792,3															
<b>c</b>	<b>Lúa nương</b>																		
-	Diện tích	Ha	1.856	1.781	1.781	17	373	275	41	200	380	50	50	50	45	100	200	95,96	100
-	Năng suất	Tạ/ha		15,4															
-	Sản lượng	Tấn		2.740,6															
<b>2</b>	<b>Cây ngô</b>																		
-	Diện tích	Ha	5.192	5.153	5.163	70	585	450	175	340	670	480	470	475	525	670	253	99,4	100,2
-	Năng suất	Tạ/ha	0,44	23,01	0,47						3,5						0,2	105,38	2,04
-	Sản lượng	Tấn	231	11.855,6	242,1						236,6						5,46	104,79	2,04
<b>a</b>	<b>Ngô xuân</b>																		
-	Diện tích	Ha	132	133	133						130						3	100,76	100





**CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

(kèm theo Báo cáo số: 231 /BC-UBND ngày 20 /7/2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021
<b>A</b>	<b>Công nghiệp</b>						
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh)	Tỷ đồng	41,8	130	46,76	111,95	35,97
2	Sản lượng 1 số sản phẩm công nghiệp chủ yếu						
-	Đá xây dựng khác	1000m <sup>3</sup>		20	8,5		42,5
-	Gạch xây	Triệu viên	1,2	6,5	2,5	208,3	38,46
-	Nước máy sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	0,22	0,5	0,22	100	44
<b>B</b>	<b>Thương mại</b>						
-	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giá hiện hành	Tỷ đồng	275,776	1.100	282,216	102,34	25,66
<b>C</b>	<b>Vận tải</b>						
1	Vận tải hành khách						
-	Hành khách vận chuyển	Nghìn người	1,876	5,4	2,855	152,19	52,87
-	Hành khách luân chuyển	Nghìn người.km	48,364	121	57,1	118,06	47,2
2	Vận tải hàng hóa						
-	Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	31,524	91,6	46,627	147,9	50,9
-	Hàng hóa luân chuyển	Nghìn tấn.km	766,13	2.180	932,54	121,7	42,78











**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - NĂM HỌC 2020-2021**

(kèm theo Báo cáo số: 231 /BC-UBND ngày 20 /7/2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm học 2019-2020	Thực hiện năm học 2020-2021														So sánh %	
				Kế hoạch giao	Tổng số	Trong đó												Kết quả thực hiện năm học 2019-2020	Kế hoạch giao năm học 2020-2021
						Thị trấn	Mường Báng	Xá Nhè	Mường Đùn	Tủa Thàng	Sính Phình	Trung Thu	Tả Phìn	Lao Xã Phình	Tả Sìn Thàng	Sín Chải	Huổi Số		
<b>I</b>	<b>Số học sinh có mặt đầu năm học</b>	<b>Học sinh</b>	<b>19.537</b>	<b>19.866</b>	<b>20.093</b>	<b>3.564</b>	<b>1.760</b>	<b>2.636</b>	<b>1.174</b>	<b>1.823</b>	<b>1.953</b>	<b>1.167</b>	<b>1.212</b>	<b>850</b>	<b>1.540</b>	<b>1.560</b>	<b>772</b>	<b>102,85</b>	<b>101,14</b>
<b>1</b>	<b>Giáo dục mầm non</b>																		
<b>1.1</b>	<b>Tổng số trẻ mầm non</b>	<b>Học sinh</b>	<b>5.818</b>	<b>5.228</b>	<b>5.829</b>	<b>979</b>	<b>435</b>	<b>743</b>	<b>382</b>	<b>585</b>	<b>578</b>	<b>348</b>	<b>360</b>	<b>271</b>	<b>423</b>	<b>470</b>	<b>255</b>	<b>100,19</b>	<b>111,5</b>
-	Số cháu vào nhà trẻ	Cháu	845	702	854	192	90	132	66	79	25	53	42	40	53	56	26	101,07	121,65
-	Số học sinh mẫu giáo	Học sinh	4.973	4.526	4.975	787	345	611	316	506	553	295	318	231	370	414	229	100,04	109,92
-	Số trẻ 5 tuổi	Học sinh	1.709	1.617	1.756	281	116	203	106	190	202	110	117	83	126	138	84	102,75	108,6
<b>1.2</b>	<b>Tổng số lớp và nhóm trẻ</b>		<b>229</b>	<b>223</b>	<b>228</b>	<b>35</b>	<b>18</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>26</b>	<b>20</b>	<b>15</b>	<b>13</b>	<b>11</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>11</b>	<b>99,56</b>	<b>102,24</b>
-	Số nhóm trẻ	Nhóm	39	37	38	8	4	6	3	4	1	3	2	2	2	2	1	97,44	102,7
-	Số lớp mẫu giáo	Lớp	190	186	190	27	14	24	12	22	19	12	11	9	13	17	10	100	102,15
-	Số lớp 5 tuổi	Lớp	111	107	109	15	8	8	6	10	10	9	7	5	9	15	7	98,2	101,87
<b>1.3</b>	<b>Các tỷ lệ huy động</b>																		
-	Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp/dân số độ tuổi	%	67,3	67,3	64,5	65,6	74,3	63,7	68,3	67,6	53,8	67,7	66,2	62,4	61,9	64,6	63,1	-2,81	-2,81
-	Tỷ lệ trẻ mầm non là nữ	%	46,9	52,2	47	45,8	41,6	46,3	46,6	46,0	47,1	59,5	49,2	44,3	48,7	49,4	41,6	0,11	-5,19
-	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	7,9	8,8	9	8,4	11,3	9,0	8,4	9,6	8,7	5,5	8,3	8,9	12,1	8,7	14,5	1,3	0,4
-	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	8,5	9,5	11	9,3	13,8	10,6	9,2	11,6	9,3	5,5	8,3	17,3	13,7	8,7	22,7	2,5	1,5
-	Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 tháng đến dưới 36 tháng ra lớp	%	23,0	17,9	21,1	28,8	24,8	24,1	28,8	21,9	5,0	24,3	18,9	19,0	16,6	18,4	14,5	-1,88	3,22
-	Tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp	%	99,2	99,9	99	100	100	100	99,7	99,4	98,5	100	100	100	100	98,3	99,1	0,29	-0,41
-	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	99,9	99,9	99,88	100	100	100	99	100	99,5	100	100	100	100	100	100	-0,02	-0,02



-	Tỷ lệ học sinh lưu ban	%	0,0	0,3															
<b>c</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	<b>Học sinh</b>	<b>1.375</b>	<b>1.505</b>	<b>1.417</b>	<b>1.070</b>		<b>119</b>						<b>228</b>			<b>103,05</b>	<b>94,15</b>	
-	Tr đó: HS các trường DTNT huyện	Học sinh	340	350	344	344											101,18	98,29	
-	Học sinh bán trú	Học sinh	729	1.195	1.136	821		99						216			155,83	95,06	
-	Tổng số lớp	Lớp	37	40	40	30		3						7			108,11	100	
-	Tỷ lệ học sinh 15 tuổi vào lớp 10	%	49	49,5	52												3	2,5	
-	Tỷ lệ học sinh 15-18 tuổi học THPT	%	48,7	49	55												6,3	6	
-	Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	%	39,5	40,1	21,45												-18,05	-18,65	
-	Tỷ lệ học sinh bỏ học	%		1,4															
-	Tỷ lệ học sinh lưu ban	%		1,4															
<b>3</b>	<b>Hệ bổ túc văn hóa</b>	<b>H/Sinh</b>	<b>261</b>	<b>295</b>	<b>202</b>												<b>77,39</b>	<b>68,47</b>	
-	Học sinh PCGDTH-XMC	Học sinh	200	120	120		50		25	25	20						60	100	
-	Học sinh PCGD THCS	Học sinh	18																
-	Học sinh bổ túc THPT	Học sinh	43	175	82	82											190,7	46,86	
<b>II</b>	<b>Hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh phổ thông</b>	<b>Học sinh</b>	<b>1.262</b>	<b>1.763</b>															
-	Học sinh THCS	Học sinh	921	1.283															
-	Học sinh THPT	Học sinh	341	480															
<b>III</b>	<b>Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ</b>																		
	<b>Tổng số xã, thị trấn</b>	<b>Xã, thị trấn</b>	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
1	Số xã, thị trấn đạt chuẩn PC GDMN cho trẻ 5 tuổi	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
2	Số xã, thị trấn đạt chuẩn PC GDTH mức độ 1	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100
3	Số xã đạt chuẩn PC GDTH mức độ 2	Xã, thị trấn	12	12	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	100	100





-	Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non được tập huấn về tư vấn dinh dưỡng và tâm lý cho trẻ	Người	20	20	64								19		20	25		320	320
-	Số nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn	Người	5	5	3								1		1	1		60	60
-	Số điểm trường mầm non có nhà vệ sinh hợp vệ sinh	Điểm trường	21	26	19								6		7	6		90,48	73,08
-	Số điểm trường mầm non có nguồn nước sử dụng hợp vệ sinh	Điểm trường	22	22	23								7		8	8		104,55	104,55
-	Số nhóm/lớp mầm non có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định	Điểm trường	43	43	37								12		12	13		86,05	86,05
-	Số điểm trường mầm non có 05 loại đồ chơi ngoài trời trở lên trong danh mục quy định	Điểm trường	25	25	20								6		8	6		80	80
<b>VI</b>	<b>Các chỉ tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số</b>																		
-	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học (%)	%	99	99	99	100	100	100	100	100	100	99	99	100	100	99	99		
-	Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học (%)	"	99	99	99,8	100	100	100	100	98	100	100	100	100	100	100	100		
-	Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi (%)	"	90	90	89	100	96	70	96	99	98	82	92	87	76	86	76	-1	-1
-	Tỷ lệ nữ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi (%)	"	85	85	86	100	92	65	95	99	96	71	89	78	74	83	70	1	1
-	Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (%)	"	48	48	49	46	46	50	48	52	50	51	49	51	46	48	51	1	1

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ**

(kèm theo Báo cáo số: 231 /BC-UBND ngày 20 /7/2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Số sản phẩm
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu hoạt động:</b>					
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	28	95	44,2	16,6
2	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 3 lần/3 kỳ thai nghén	%	72,9	77	75,5	2,6
-	Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số được khám thai ít nhất 3 lần trong kỳ mang thai	%	73	75	75,3	2,8
3	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 4 lần/3 kỳ thai nghén	%	72,9	58	57,4	-15,5
-	Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 kỳ mang thai	%	72,7	48	57,3	-15,4
4	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng UV2+	%	25,8	94,1	41,6	15,8
5	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tư vấn và kiểm tra HIV	%	35,4	90	58,9	24
6	Tỷ lệ phụ nữ có thai nhiễm HIV nhận được thuốc ARV/số phụ nữ mang thai nhiễm HIV toàn huyện	%	100	100	100	
7	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	32,8	21,3	95,4	62,6
-	Tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 1 tuổi trên 1000 trẻ dân tộc thiểu số đẻ sống	‰	32,9	22,4	101,4	69
8	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	41,7	30	102	60,3
-	Tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi trên 1000 trẻ dân tộc thiểu số đẻ sống	‰	41,7	31	106,2	64,5
9	Tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	Bà mẹ				
-	Tỷ số tử vong người mẹ dân tộc thiểu số/100.000 trẻ người dân tộc thiểu số đẻ sống	Bà mẹ				
10	Tỷ lệ trẻ sơ sinh dưới 2500 gr	%	3,6	2,7	2,2	-1,4
11	Tỷ lệ trẻ nhỏ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	%	37	42,7	43,1	6
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	16,7	16	16,9	0,2
-	Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi	%	17,3	16,3	17,4	0,1
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	24,5	23,6	24,2	-0,3
-	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi/tuổi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi	%	24,3	23,8	24,6	0,3
14	Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ dân tộc thiểu số được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ	%	80,4	60	45,6	-34,8
15	Tỷ lệ dân số dùng muối Iốt	%	100	100	100	
16	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu vệ sinh hợp vệ sinh	%	49,8	52	51	1,2
-	Tỷ lệ hộ gia đình dân tộc thiểu số sử dụng nhà tiêu vệ sinh hợp vệ sinh	%	41	44	45,5	4,5
17	Tỷ lệ mắc một số bệnh xã hội/dân số:					
-	Tỷ lệ lao các thể mới được phát hiện trong năm	1/100.000	8,5	8,5	0,03	-8,5
-	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số mắc lao/100.000 dân dân tộc thiểu số	1/100.000		8,5	14,1	
-	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS còn sống	%	47,7	0,44	44,9	-2,8
18	Thuốc tiêu dùng bình quân người/năm	Đồng		600.000		
<b>II</b>	<b>Cơ sở cung cấp dịch vụ y tế</b>					
	<b>Tuyến huyện</b>		<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>100</b>
1	Trung tâm y tế huyện	Trung tâm	1	1	1	100
2	Phòng khám đa khoa khu vực	Phòng khám	2	2	2	100
3	Trạm y tế xã, thị trấn	Trạm	12	12	12	100
4	Tỷ lệ xã, thị trấn có trạm y tế	%	100	100	100	
<b>III</b>	<b>Giường bệnh:</b>					
	<b>Tổng số giường bệnh toàn huyện</b>	<b>Giường</b>	<b>186</b>	<b>196</b>	<b>186</b>	<b>100</b>
	Trong đó: Giường Quốc lập	Giường	150	160	150	100
	Tỷ lệ giường bệnh Quốc lập/vạn dân	1/10.000	25,65	26,9	24,79	-0,86
<b>1</b>	<b>Giường bệnh Trung tâm Y tế huyện</b>	<b>Giường</b>	<b>150</b>	<b>160</b>	<b>150</b>	<b>100</b>
-	Giường bệnh Bệnh viện huyện	Giường	120	130	120	100
-	Giường bệnh Phòng khám đa khoa khu vực	Giường	30	30	30	100
<b>2</b>	<b>Giường bệnh trạm y tế xã (giường lưu)</b>	<b>Giường</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>100</b>
<b>IV</b>	<b>Nhân lực y tế:</b>					
1	Tỷ lệ Bác sỹ/vạn dân	1/10.000	9,1	10,4	9,2	0,14
2	Tỷ lệ Dược sỹ đại học/vạn dân	1/10.000	0,34	0,5	0,49	
3	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ hoạt động	%	83,3	100	75	
4	Tỷ lệ xã có nữ hộ sinh hoặc YSSN	%	100	100	100	
5	Tỷ lệ bản có Nhân viên y tế thôn bản	%		85	100	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Số sót
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020
<b>V</b>	<b>Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã</b>					
-	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã 2011-2020	Xã	9	11	10	111,1
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia y tế xã	%	75	91,67	83,33	8,33
<b>VI</b>	<b>Dân số - Kế hoạch hóa gia đình</b>					
<b>1</b>	<b>Dân số</b>					
<b>a</b>	<b>Dân số trung bình</b>	Người	<b>59.033</b>	<b>60.158</b>	<b>60.316</b>	<b>102,2</b>
-	Tỷ lệ sinh	‰	28,67	22,2	10,6	-18,09
-	Tỷ lệ dân số tăng tự nhiên	‰	23,28	19	7,7	-15,62
-	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	2,1	0,5	18,1	15,99
-	Tỷ lệ phát triển dân số	%	2,26	1,9	2,2	-0,09
-	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	100	108		
<b>b</b>	<b>Dân số phân theo giới tính</b>					
-	Dân số nam	Người	29.604	30.671	30.818	104,10
-	Tỷ lệ so với tổng dân số	%	50,15	50,98	51,1	0,95
-	Dân số nữ	Người	29.429	29.487	29.498	100,2
-	Tỷ lệ so với tổng dân số	%	49,85	49,02	48,9	-0,95
<b>c</b>	<b>Dân số phân theo thành thị, nông thôn</b>					
-	Dân số thành thị	Người	7.900	8.103	8.091	102,42
-	Tỷ lệ so với tổng dân số	%	13,38	13,47	13,41	0,03
-	Dân số nông thôn	Người	51.133	52.055	52.225	102,1
-	Tỷ lệ so với tổng dân số	%	86,62	86,53	86,59	-0,03
<b>2</b>	<b>Kế hoạch hóa gia đình:</b>					
-	Tỷ lệ nữ từ 15 - 49 tuổi so với dân số	%	24,5	26,3	25,5	1,0
-	Tỷ lệ PN 15 - 49 tuổi có chồng	%	20,4	21	19,7	-0,7
-	Tỷ lệ các cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai	%	65,7	67,3	65,1	-0,6
-	Tỷ lệ các bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng số bà mẹ sinh con trong năm	%	16,8	16,1	30	13
<b>VII</b>	<b>Số người dân tham gia Bảo hiểm Y tế</b>	Người	<b>58.474</b>	<b>60.158</b>	<b>58.922</b>	<b>100,8</b>
-	Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế	%	100	100	97,69	-2
<b>VIII</b>	<b>Phòng chống HIV/AIDS</b>					
-	Tỷ lệ người nhiễm HIV có nhu cầu điều trị bằng thuốc ARV tiếp cận được thuốc ARV	%	77,8	91	74,2	-3,6
-	Số người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị thay thế bằng thuốc Methadone	Người	116	180	106	91,38
<b>IX</b>	<b>Phát triển trẻ thơ toàn diện</b>					
1	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm sởi - rubella	%	27,9	95,1	43,5	15,6
2	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm DPT mũi 4	%	29,8	95,1	44,7	14,9
3	Tỷ lệ trẻ 1 - 5 tuổi tiêm viêm não 2 mũi cơ bản	%	27,3	95	34,4	7,1
4	Tỷ lệ trẻ 2 - 5 tuổi tiêm viêm não mũi 3	%	21,1	95	35,6	14,5
5	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế	%	44,6	45	43,5	-1,1
6	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được nhân viên y tế chăm sóc tuần đầu sau sinh	%	82,3	90,8	81,9	-0,4

**Biểu 05**

1 %
<b>Kế hoạch giao năm 2021</b>
-50,8
-2
0,0
-1
9,3
-52,5
-31
74,1
79,0
72,0
75,2
-0,5
0,4
0,9
1,1
0,6
0,8
-14
-1,0
1,5
-8
6
44,5
<b>100</b>
100
100
100
<b>105,38</b>
107
-2,1
106,67
92
100
<b>100</b>
-1,2
-0,01
-25,0
15,0

1 %
<b>Kế hoạch giao năm 2021</b>
90,9
-8,33
100,26
-12
-11,3
17,59
0,27
100,48
0,11
100
-0,11
99,85
100,33
-2,2
13,9
<b>97,95</b>
-2
-16,8
58,89
-51,6
-50,4
-60,6
-59,4
-1,5
-8,9

**CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ - DU LỊCH - THỂ THAO**

(kèm theo Báo cáo số: 231 /BC-UBND ngày 20 /7/2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Số TT	Chỉ tiêu hoạt động	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	So sánh %	
						Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021
<b>A</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa gia đình</b>						
<b>I</b>	<b>Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa</b>						
1	Số hộ đăng ký đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa	Hộ	6.034	9.980	10.129	167,86	101,49
2	Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa	Hộ		9.116			
-	Tỷ lệ gia đình đạt văn hóa chiếm trong tổng số gia đình toàn huyện	%		77			
3	Số thôn bản toàn huyện	Thôn bản	121	121	121	100	100
4	Số thôn, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn văn hóa	Thôn bản	80	112	109	136,13	97,23
5	Số thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa	Thôn bản		106			
-	Tỷ lệ thôn, bản, đạt văn hóa chiếm trong tổng số thôn, bản toàn huyện	%		87,6			
6	Số cơ quan, đơn vị, trường học đăng ký đạt tiêu chuẩn văn hóa	Cơ quan	76	122	117	153,75	95,78
7	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa	Cơ quan		113			
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị doanh nghiệp, trường học đạt văn hóa chiếm trong tổng số cơ quan, đơn vị, trường học toàn huyện	%		93			
8	Số xã đăng ký đạt tiêu chuẩn văn hóa nông thôn mới	Xã		2			
9	Số thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	Thị trấn		1	1		100
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực gia đình</b>						
1	Số ban chỉ đạo mô hình phòng chống bạo lực gia đình được thành lập tại các xã, phường, thị trấn (nhân rộng mô hình phòng chống bạo lực gia đình)	Ban chỉ đạo	3	3	3	100	100
-	Tỷ lệ xã phường, thị trấn có ban chỉ đạo mô hình phòng chống bạo lực gia đình	%	25	25	25		
2	Số câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững tại các thôn, bản, tổ dân phố	Câu lạc bộ	10	49	25	250	51,02
-	Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố có câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững	%	8,26	40,5	20,66	12	-19,83
3	Tỷ lệ gia đình được tuyên truyền phổ biến các luật có liên quan đến lĩnh vực gia đình	%	100	100	100		
<b>III</b>	<b>Phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở</b>						
1	Số trung tâm văn hóa - thông tin cấp huyện	Huyện	1	1	1	100	100
2	Huyện có nhà văn hóa, thể thao, thư viện	Huyện	1	1	1	100	100
3	Số xã, thị trấn có nhà văn hóa - Thông tin	Xã	8	10	9	112,5	90
-	Tỷ lệ xã, thị trấn có nhà văn hóa - Thông tin	%	66,67	83,33	75	8,33	-8,33
4	Số sân thể thao phổ thông cấp xã, thị trấn	Xã	12	12	12	100	100
-	Tỷ lệ xã, thị trấn có sân thể thao phổ thông	%	100	100	100		
5	Số phòng tập phổ thông cấp xã, thị trấn	Xã	3	3	3	100	100
-	Tỷ lệ xã, thị trấn có phòng tập phổ thông	%	25	25	25		
6	Số thôn bản, tổ dân phố có nhà văn hóa và điểm sin hoạt cộng đồng	Thôn, bản	51	64	62	121,57	96,88
-	Tỷ lệ thôn bản, tổ dân phố có nhà văn hóa - Thông tin	%	42,15	52,89	51,24	9,09	-1,65
7	Sân bóng đá mi ni tại thôn bản, tổ dân phố	Thôn, bản	7	24	24	343	100
-	Tỷ lệ thôn, bản có sân bóng đá mi ni	%	5,8	19,8	19,8	14,05	0,00
<b>IV</b>	<b>Bảo tồn di sản văn hóa</b>						
1	Số di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Di sản văn hóa			1		
2	Số lượt khách đến tham quan các điểm di tích	Lượt người	5.130	14.150			
	Trong đó, lượt khách quốc tế	Lượt người		85			
3	Số di tích mới được xếp hạng trong kỳ	Di tích					
-	Số di tích lịch sử được xếp hạng đến cuối kỳ báo cáo	Di tích	4	6	6	150	100
-	Số di tích được khoanh vùng cấm mốc	Di tích		2	2		100
-	Số lễ hội của các dân tộc thiểu số được nghiên cứu, bảo tồn;	Lễ		3	2		66,67

Số TT	Chỉ tiêu hoạt động	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	So sánh %	
						Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực Thể dục, thể thao</b>						
<b>I</b>	<b>Thể thao quần chúng</b>						
1	Số người tham gia luyện tập thường xuyên ít nhất 01 môn thể thao;	Người	14.530	16.920	11.350	78,11	67,08
-	Tỷ lệ người tham gia luyện tập thường xuyên ít nhất 01 môn thể thao trong tổng dân số toàn huyện	%	24,8	28,1	18,8	-6,09	-9,34
2	Số gia đình được công nhận danh hiệu gia đình thể thao	Gia đình	1.650	2.049	1.350	81,82	65,89
-	Tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình thể thao trong tổng số hộ gia đình toàn huyện	%	14,4	16,98	11,6	-2,87	-5,4
	Số câu lạc bộ thể thao cơ sở	Câu lạc bộ	29	33	29	100	87,88
<b>II</b>	<b>Thể thao thành tích cao</b>						
1	Tham gia giải thi đấu TDTT thành tích cao	Giải	1	5			
-	Trong đó: Tham gia hội thi	Cuộc	1	5			
2	Số VĐV được đào tạo	VĐV	15	35			
-	<i>Tuyển II - Bán tập trung</i>	VĐV	15	35			

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH**  
(kèm theo Báo cáo số: 231 /BC-UBND ngày 20 /7/2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021
<b>A</b>	<b>Bưu chính viễn thông</b>						
<b>I</b>	<b>Bưu chính</b>						
1	Số xã có điểm bưu điện văn hóa xã	Xã	11	11	11	100	100
2	Tỷ lệ xã có điểm bưu điện văn hóa xã	%	100	100	100		
3	Số dân phục vụ bình quân	Người/điểm	4.135	5.467	5.500	133,01	100,60
4	Bán kính phục vụ bình quân	Km/điểm	4,13	4,3	4,32	104,6	100,47
5	Tổng số doanh thu phục vụ bưu chính	Triệu	2.300		2.380	103,48	
<b>II</b>	<b>Viễn Thông</b>						
	<b>Tổng số thuê bao điện thoại</b>	<b>Thuê bao</b>	<b>34.420</b>	<b>33.834</b>	<b>35.991</b>	<b>104,56</b>	<b>106,38</b>
1	Số thuê bao điện thoại cố định	Thuê bao	295	295	295	100	100,00
2	Số thuê bao điện thoại di động	Thuê bao	34.125	34.750	35.696	104,6	102,7
3	Số thuê bao điện thoại di động trung bình 100 dân	Máy	58,4	58,5	59	101,1	100,85
4	Số trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS)	Trạm	56	63	56	100	88,89
5	Số xã, thị trấn có trạm thu phát sóng thông tin di động 3G	Trạm	12	12	12	100	100
6	Tổng số doanh thu phục vụ viễn thông	Triệu	2.691		5.640	209,59	
<b>III</b>	<b>Internet</b>						
1	Số thuê bao internet	Thuê bao	1.969	1.975	1.969	100,0	99,70
2	Số thuê bao internet trung bình 100 dân	Thuê bao	3,4	3,3	3,25	96,65	98,62
3	Số xã, thị trấn được kết nối in tenet băng rộng	Xã	12	12	12	100	100
4	Tỷ lệ xã, thị trấn được kết nối in tenet băng rộng	%	100	100	100	100	100
5	Tổng số doanh thu phục vụ internet	Triệu					
<b>B</b>	<b>Phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin</b>						
<b>I</b>	<b>Phát thanh</b>						
1	Tổng số giờ tiếp, phát sóng phát thanh trung ương	Giờ/năm	6.916	13.910	6.840	98,9	49,17
2	Số giờ phát, tiếp sóng phát thanh địa phương	Giờ/năm	16	16	16	100	100
3	Số Đài Truyền thanh không dây	Đài	7	7	7	100	100
4	Số xã, thị trấn có Đài truyền thanh không dây	Xã	5	5	7	140	140
-	Tỷ lệ xã, thị trấn có Đài truyền thanh không dây	%	41,7	41,7	58,3		
5	Số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	Hộ	11.542	11.677	8.742	75,74	74,87
-	Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%	100	100	75	-25	-25
6	Số xã, thị trấn được phủ sóng truyền thanh địa phương	Xã	12	12	12	100	100
-	Tỷ lệ xã, phường được phủ sóng truyền thanh địa phương	%	100	100	100		
7	Số hộ nghe được Đài phát thanh địa phương	Hộ	11.542	11.677			
-	Tỷ lệ hộ nghe được đài phát thanh địa phương	%	100	100			
<b>II</b>	<b>Truyền hình</b>						
1	Số giờ tiếp, phát sóng truyền hình trung ương	Giờ/năm	20.748	41.724			
2	Số hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	Hộ	11.419	11.677	11.656	102,08	99,82
-	Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%	100	100	100		
3	Số xã, phường được phủ sóng truyền hình tỉnh	Xã	12	12	12	100	100
-	Tỷ lệ xã, phường được phủ sóng truyền hình tỉnh	%	100	100	100		
4	Số hộ xem được đài truyền hình địa phương	Hộ	11.419	11.677			
-	Tỷ lệ hộ xem được đài truyền hình địa phương	%	100	100			
<b>III</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>						
1	Tổng số máy tính tại cơ quan, đơn vị (máy chủ, trạm, xách tay)						
-	Máy chủ	Máy	5	5	5	100	100
-	Máy trạm		392	392	392	100	100
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức tại các cơ quan chuyên môn được trang bị máy tính						
-	Cấp huyện	%	100	100	100	100	100



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021
-	Cấp xã		79	79	79	100	100
3	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet						
-	Cấp huyện	%	100	100	100	100	100
-	Cấp xã		50	50	50	100	100
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp và thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành	%	100	100	100	100	100
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc						
-	Cấp huyện	%	100	100	100	100	100
-	Cấp xã		70	70	70	100	100

**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ**

(kèm theo Báo cáo số: 231 /BC-UBND ngày 20 /7/2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	So sánh %	
						Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch giao năm 2021
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP</b>						
1	Số chi nhánh doanh nghiệp đang hoạt động	Doanh nghiệp	7	4	4	57,14	100
2	Số doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động	Doanh nghiệp	31	34	34	109,68	100
<b>B</b>	<b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ</b>						
1	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã	8	10	10	125	100
	<i>Trong đó: Thành lập mới</i>	<i>Hợp tác xã</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>3</i>	<i>300</i>	<i>300</i>
2	Tổng số xã viên hợp tác xã	Người	74	88	100	135,14	113,64
	<i>Trong đó: Xã viên mới</i>	Người	<i>10</i>	<i>7</i>	<i>26</i>	<i>260</i>	<i>371,43</i>
3	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	24	30	32	133,33	106,67
	<i>Trong đó: + Số có trình độ trung cấp, cao đẳng</i>	Người	<i>13</i>	<i>20</i>	<i>18</i>	<i>138,46</i>	<i>90</i>
4	Tổng số lao động làm việc trong hợp tác xã	Người	74	88	100	135,14	113,64
	<i>Trong đó: Tổng số lao động là xã viên hợp tác xã</i>	<i>Người</i>	<i>74</i>	<i>88</i>	<i>100</i>	<i>135,14</i>	<i>113,64</i>
<b>C</b>	<b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN</b>						
1	Tổng số hộ đăng ký kinh doanh	Hộ	849	930	912	107,42	98,06
	<i>Trong đó: Đăng ký mới</i>	<i>Hộ</i>	<i>36</i>	<i>30</i>	<i>18</i>	<i>50,00</i>	<i>60,00</i>
2	Tổng số vốn đăng ký kinh doanh	Triệu đồng	44.125	54.110	43.570	98,74	80,52